

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS - ST
Ngày: 10-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thoi
2. Ông Thân Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2011/TLST-DS ngày 24/01/2011, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- DS ngày 05/6/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST- DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đoàn Thị Y, sinh năm 1979 (vắng mặt)
2. Chị Giáp Thị Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Xóm X, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày:

Ngày 30/5/2010 âm lịch tức ngày 11/7/2010 dương lịch, anh H có sang nhà anh hỏi vay số tiền 35.000.000 đồng. Thời điểm đó, anh đang làm dịch vụ cầm đồ và cho vay (tên cửa hàng: Dịch vụ cầm đồ B Y). Mục đích anh H vay tiền anh làm gì thì anh không nắm được. Anh đồng ý cho anh H vay số tiền 35.000.000 đồng. Thời hạn vay: 10 ngày, không thỏa thuận về lãi suất. Khi vay

tiền, anh H tự nguyện gửi tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N818608 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp ngày 20/12/1999, số 024001QSĐĐ/537/1999/QĐ-UB/H. Hai bên thỏa thuận về việc cam kết trả nợ của khách hàng thể hiện trong biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản: *“kể từ ngày hết hạn nếu anh H không đến thanh toán tiền đã vay thì cửa hàng của anh có quyền thu giữ bất kì tài sản gì mà khách hàng có hợp pháp. Tài sản để thế chấp (01 bìà đỏ) nếu quá hạn 03 ngày mà khách hàng không đến chuộc lại hoặc xin gia hạn, cửa hàng của anh có quyền thanh lý tài sản đó để thu hồi vốn kinh doanh”*. Tuy nhiên, hết thời hạn trả nợ, anh H không trả anh số tiền đã vay trên. Đến nay, anh H mới trả anh 2.500.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh H phải trả vợ chồng anh số tiền còn nợ là 32.500.000 đồng và lãi suất chậm trả tiền theo quy định pháp luật kể từ ngày 12/8/2010 đến khi anh H trả hết số nợ trên.

Đối với tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh H tự nguyện gửi cho anh khi vay tiền trường hợp anh H không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh xác định việc vay tiền giữa anh và anh H thì chị Đ là vợ anh H có biết hay không, anh không nắm được. Anh xác định số tiền anh cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng anh nên buộc anh H phải trả vợ chồng anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu trả lãi suất và xin rút yêu cầu xem xét về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Vào khoảng từ tháng 01/2010 anh B có ghi lô đề. Do anh B và một số người rủ rê nên anh đã nhiều lần sang nhà anh B ghi đề, khi có tiền thì trả, khi không có tiền thì ghi sổ nợ. Do thua nhiều nên anh cố chơi để gỡ lại số tiền bị thua NH càng chơi càng thua nên số nợ do ghi đề chịu của anh B lên đến 20.000.000 đồng. Anh B nhiều lần đòi anh số nợ trên. Do không có tiền trả nên anh B bảo anh lấy sổ đỏ ra cầm và viết giấy nợ. Anh B cho ghi lô đề tiếp để gỡ nếu không anh B sẽ đến nhà nói cho gia đình anh biết. Do ham chơi lại muốn gỡ lại số tiền bị thua và do anh B xúi giục cưỡng ép nên anh đã về nhà mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình giao cho anh B cầm và ghi giấy nhận nợ anh B số tiền 35.000.000 đồng. Thời hạn trả là 1 năm kể từ ngày viết giấy nợ (30/5/2010 âm lịch). Sau đó anh đã trả dần anh B được 14.700.000 đồng. Vì anh B đã sửa chữa giấy nhận nợ anh đã viết, sửa thời hạn trả nợ từ 1 năm sang 10 ngày và khởi kiện đòi nợ anh ra Tòa án nhân dân huyện V. Thực tế anh không hề vay tiền của anh B, không được nhận số tiền 35.000.000đ của anh B mà là số tiền anh B ghi lô đề chịu cho anh. Hợp đồng vay nợ trên là có sự cưỡng ép, vi phạm quy định của pháp luật. Nay anh B yêu cầu anh trả số tiền 32.500.000 đồng thì anh không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Đoàn Thị Y khai: Chị là vợ anh Nguyễn Văn B, việc anh H vay tiền của anh B thì số tiền anh B cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng chị. Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Giáp Thị Đ khai: Chị là vợ anh Nguyễn Văn H. Vợ chồng chị không vay mượn bất cứ tài sản gì của anh B còn việc anh H có vay mượn tiền, tài sản của anh B hay không chị không được biết. Anh H cũng không nói cho chị việc có vay tiền của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn H phải trả vợ chồng anh Nguyễn Văn B, chị Đoàn Thị Y số tiền 32.500.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất cho vay. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc về việc yêu cầu giải quyết việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 818608.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N818608 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp ngày 20/12/1999, số 024001QSĐĐ/537/1999/QĐ-UB/H do anh H tự nguyện thế chấp cho anh B khi vay tiền, tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H. Do đó, buộc anh Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa NH vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản ngày 11/7/2010. Bị đơn có đơn đề nghị chuyển vụ án đến Cơ quan Công an huyện V để xem xét xử lý hành vi “Đánh bạc” của nguyên đơn và bị đơn. Xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không có căn cứ để xác định số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền đánh bạc. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn huyện V vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Thời điểm giao kết hợp đồng vào ngày 11/7/2010, là thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật dân sự 2005 là phù hợp.

[4] Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất và xem xét thỏa thuận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy việc đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[5] Về nội dung khởi kiện:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Lời khai của nguyên đơn về việc khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích vay sử dụng vào việc cá nhân, số tiền vay, thời hạn vay là phù hợp với “Giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản” ngày 11/7/2010 có chữ ký của bên vay và bên cho vay. Bị đơn thừa nhận có ký vào “Giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản” ngày 11/7/2010. Lời khai của bị đơn về việc bị ép buộc ký giấy biên nhận, mục đích của giao dịch là để 02 bên đánh bạc với nhau là không có căn cứ mâu thuẫn với “Giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản” ngày 11/7/2010. Như vậy giao dịch vay tài sản ngày 11/7/2010 giữa anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn H phù hợp với Điều 122, Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Về việc thực hiện hợp đồng, thời hạn vay: Lời khai của nguyên đơn về việc đã giao tiền cho bị đơn, thời hạn vay là 10 ngày là phù hợp với “Giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản” ngày 11/7/2010 có chữ ký của bên vay và bên cho vay. Lời khai của bị đơn về việc hợp đồng giả tạo, không có việc giao nhận tiền, thời hạn vay là 01 năm là không có căn cứ mâu thuẫn với “Giấy biên nhận vay tiền và thế chấp tài sản” ngày 11/7/2010 có chữ ký của bên vay và bên cho vay. Mâu thuẫn với bản tự khai ngày 12/01/2011 (bút lục 14). Nội dung anh H khẳng định ban đầu anh B dự định cho anh vay 01 năm nH anh không đồng ý, chỉ chấp nhận trả theo tháng, mỗi tháng trả mấy triệu, trên thực tế anh đã trả cho anh B được 14.700.000đ. Ngoài lời khai ra bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho nội dung mà mình trình bày. Bị đơn cũng không có yêu cầu giám định về việc sửa chữa thời hạn vay từ 01 năm chuyển thành 10 ngày. Bị

đơn khai đã trả cho nguyên đơn số tiền 14.700.000đ, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 2.500.000đ. Cả 02 bên đều không đưa ra được tài liệu gì về số tiền đã trả. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận về việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 2.500.000đ.

Có căn cứ để xác định, sau khi ký hợp đồng bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng, bên vay mới thực hiện được một phần nghĩa vụ trả tiền và có vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, cần được chấp nhận. Cả anh B và chị Đoàn Thị Y đều xác định số tiền anh B cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng anh B. Không có căn cứ để xác định nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ chung của vợ chồng anh H. Do đó cần buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho anh Nguyễn Văn B và chị Đoàn Thị Y số tiền 32.500.000đ.

Do nguyên đơn xin rút yêu cầu xem xét về việc thế chấp tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét về tính hợp pháp của việc thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa anh B đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H. Xét thấy việc này do anh B hoàn toàn tự nguyện. Cần buộc anh Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện V, số N 818608 vào sổ cấp số 02401 QSDĐ/537/QĐ-UB/H cấp ngày 20/12/1999.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 122, 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B. Buộc bị đơn là anh Nguyễn Văn H phải trả vợ chồng anh Nguyễn Văn B, chị Đoàn Thị Y số tiền 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất cho vay.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 818608 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp ngày 20/12/1999, số vào sổ 024001QSĐĐ/537/1999/QĐ-UB/H.

3. Buộc anh Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N818608 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H được UBND huyện V cấp ngày 20/12/1999, số vào sổ 024001QSĐĐ/537/1999/QĐ-UB/H.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn B số tiền 812.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/002203 ngày 24/01/2011 của Chi cục ti hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu